

Nội dung bài viết

1. [Soan Tiếng Anh 12 Unit 4 Skills trang 50, 51, 52, 53 Sách mới](#)

### Unit 4: The mass media

*Soạn Tiếng Anh 12 Unit 4 Skills trang 50, 51, 52, 53 Sách mới*

#### Reading

**1. Work in pairs. Put the words and phrases related to the mass media in three groups: print, television and the Internet. Use a dictionary to look up unfamiliar words.**

*(Làm việc theo cặp. Đặt các từ và cụm từ liên quan đến các phương tiện truyền thông đại chúng trong ba nhóm: in, truyền hình và Internet. Sử dụng từ điển để tra các từ lạ.)*

Print: books, magazines, leaflets, newspapers.

Television: news programmes, dramas, reality shows, documentaries.

The Internet: email, websites, instant messaging, data sharing, social networking.

**2. Quickly read the text and choose the best heading. (Nhanh chóng đọc các văn bản và chọn tiêu đề hay nhất.)**

b. Forms of mass media.

**3. Match each of the following words with its meaning. Use a dictionary if necessary.**

*(Khớp mỗi từ sau đây với ý nghĩa của nó. Sử dụng từ điển nếu cần thiết.)*

a. 3 b. 4 c. 6 e. 1 f. 5

**4. Read the text again. Decide if the following statements are true (T), false (F), or not given (NG). Tick the correct box**

*(Đọc văn bản một lần nữa. Quyết định xem các nhận định sau đây là đúng (T), sai (F), hoặc không xác định (NG). Đánh dấu vào ô đúng.)*

1. F 2. T 3. F 4. T 5. NG

**5. Work in pairs. Tell each other about the forms of mass media that you use every day. Explain how you benefit from using them.**

*(Làm việc theo cặp. Nói về các hình thức truyền thông đại chúng mà bạn sử dụng hàng ngày. Giải thích cách bạn được hưởng lợi từ việc sử dụng chúng.)*

### Speaking

**1. Complete the following conversation, using the sentences in the box. Then practise it with a partner.**

*(Hoàn thành cuộc trò chuyện sau đây, bằng cách sử dụng câu trong hộp. Sau đó, luyện tập nó với một người bạn.)*

1. I closed it already.
2. someone hacked it last month.
3. I'm busy to prepare for the exam at the end of the school year.
4. it's fun to share with our friends our work and feelings sometimes.
5. Er... Most of my day.
6. I also read others' profiles miles away.

**2. Put the following opinions about using social networks in the appropriate box. Add yours if they are different.**

*(Đặt những ý kiến sau đây về việc sử dụng các mạng xã hội trong hộp thích hợp. Thêm của bạn nếu chúng khác nhau.)*

Positive opinions: 2,4,5 Negative opinions: 1,3,6

**3. Work in pairs. Have a similar conversation as the one in 1, discussing the advantages and disadvantages of using social networks and how you use them. Use the ideas in 2.**

(Làm việc theo cặp. Tạo một cuộc trò chuyện tương tự như phần 1, thảo luận về những lợi thế và bất lợi của việc sử dụng các mạng xã hội và cách bạn sử dụng chúng. Sử dụng ý tưởng trong 2.)

## Listening

**1. Read about how three students use social media. Complete the sentences with the words from the box.**

(Đọc về cách ba học sinh sử dụng phương tiện truyền thông xã hội. Hoàn thành câu với các từ trong hộp.)

1. app    2. record    3. GPS    4. interactive  
5. connect    6. audio    7. updates

**2. Listen to a conversation between two students talking about language learning applications. Which of the following did they not talk about.**

(Nghe một cuộc trò chuyện giữa hai học sinh nói về các ứng dụng học ngôn ngữ. Điền gì sau đây họ lại không nói về?)

Đáp án: 2 và 3.

### Nội dung bài nghe:

**Nam:** Congratulations, Lan! You've got an A on your English test!

**Lan:** Thanks, Nam. I should really thank a few social networking sites that help me to improve my English.

**Nam:** Sounds interesting! So how did you improve your English?

**Lan:** First, I registered and created an account with my nickname. Then I downloaded some free language learning apps on my smartphone and started revising and learning new vocabulary on the go. I could practise while on the bus on my way to school or while jogging in the park.

**Nam:** Wow! So you don't play online games anymore?

**Lan:** Of course I do, but I focus on language games such as Scrabble and crossword puzzles.

**Nam:** Really? I didn't know you were keen on these games. Aren't they boring?

**Lan:** Not if you connect and compete with other online gamers. You can also make friends and have fun.

**Nam:** Really? But you still need a tutor to explain things or correct your English if you make a mistake.

**Lan:** Exactly. Some social networking sites help you to connect with native speakers so you can ask questions or have your writing drafts corrected.

**Nam:** Sounds good! I saw that you uploaded some vocabulary and grammar flashcards on all your social media sites. How did you create them?

**Lan:** I used a free programme available on my smartphone. I also used the recording feature to collect interesting samples from English TV and radio. Have you also seen my photos on my English blog?

**Nam:** Yes, I have. Great photos!

**Lan:** Thanks.

### **Hướng dẫn dịch:**

**Nam:** Chúc mừng, Lan! Bạn đã có điểm A bài kiểm tra tiếng Anh !

**Lan:** Cảm ơn, Nam. Tôi thực sự cần phải cảm ơn một vài trang web mạng xã hội giúp tôi cải thiện tiếng Anh của mình.

**Nam:** Nghe thật thú vị! Vậy bạn đã cải thiện tiếng Anh của bạn như thế nào?

**Lan:** Trước tiên, tôi đã đăng ký và tạo một tài khoản với biệt danh của mình. Sau đó, tôi đã tải xuống một số ứng dụng học ngôn ngữ miễn phí trên điện thoại thông minh của tôi và bắt đầu sửa đổi và học từ vựng mới khi di chuyển. Tôi có thể luyện tập khi đang trên xe buýt trên đường đi học hoặc khi đang chạy bộ trong công viên.

**Nam:** Wow! Vì vậy, bạn không chơi trò chơi trực tuyến nữa?

**Lan:** Tất nhiên có chứ, nhưng tôi tập trung vào các trò chơi ngôn ngữ như Scrabble và câu đố ô chữ.

**Nam:** Thật sao? Tôi không biết bạn quan tâm đến những trò chơi này. Chúng không phải là nhàm chán sao?

**Lan:** Không nếu bạn kết nối và cạnh tranh với các game thủ trực tuyến khác. Bạn cũng có thể kết bạn và vui chơi.

**Nam:** Thật sao? Nhưng bạn vẫn cần một người dạy kèm để giải thích những đi ều hoặc sửa tiếng Anh của bạn nếu bạn mắc lỗi.

**Lan:** Chính xác. Một số trang web mạng xã hội giúp bạn kết nối với người bản xứ để bạn có thể đặt câu hỏi hoặc soạn thảo bản thảo của mình.

**Nam:** Nghe thật thú vị! Tôi thấy rằng bạn đã tải lên một số từ vựng và flashcards ngữ pháp trên tất cả các trang web truy ền thông xã hội của bạn. Bạn đã tạo ra chúng như thế nào?

**Lan:** Tôi đã sử dụng một chương trình miễn phí có sẵn trên điện thoại thông minh của tôi. Tôi cũng đã sử dụng tính năng ghi âm để thu thập các mẫu thú vị từ đài truy ền hình và đài phát thanh tiếng Anh. Bạn đã từng nhìn thấy những bức ảnh của tôi trên blog tiếng Anh của tôi chưa?

**Nam:** Vâng, tôi nhìn thấy rồi. Hình ảnh tuyệt vời!

**Lan:** Cảm ơn.

### **3. Listen again. Give answers to the following questions.**

*(Nghe lại. Trả lời các câu hỏi sau:)*

1. She downloaded some language learning apps on her smartphone and started learning vocabulary on the go.
2. Because she wants to improve her English.
3. She uses some social networking sites.
4. She used a free programme on her smartphone.

### **4. Work in groups of four. Listen again. What do think about Lan's ways of improving her English? What can you learn from her experience?**

*(Làm việc trong nhóm bốn người. Lắng nghe một lần nữa. Bạn suy nghĩ gì về cách cải thiện tiếng Anh của Lan? bạn có thể học hỏi gì từ kinh nghiệm của cô?)*

## **Writing**

**1. Work in pairs. Discuss the difference between a graph and a chart; and how to describe a pie chart.**

*(Làm việc theo cặp. Thảo luận về sự khác biệt giữa một đồ thị và biểu đồ và làm thế nào để mô tả biểu đồ hình tròn.)*

Charts and graphs represent a series of data but they are different from each other. Graphs are mainly used to represent variation in values over a period of time. Charts are used to give information about the frequency of different quantities in a single pictorial representation.

To describe a pie chart we should specify the information (content) and proportion of each segment, which can be measured in percentages (%) or fractions (e.g. one-third, a quarter).

**2. The pie chart below illustrates the forms of communication used by students in Intel Secondary School. Complete the description with the words in the box.**

*(Biểu đồ hình tròn dưới đây minh họa các hình thức truyền thông được sử dụng bởi các sinh viên trong trường Trung học Intel. Hoàn thành các mô tả với các từ trong hộp.)*

1. preferences 2. recorded 3. majority

4. tied in 5. dominant 6. the least

**3. Study the pie chart and write a paragraph of 130-160 words to describe it.**

*(Nghiên cứu các biểu đồ hình tròn và viết một đoạn 130-160 từ để mô tả nó.)*

The pie chart shows students' preferred online resources recorded in a survey carried out at Intel Secondary School Library in 2014. Following is a brief description of the students' preferences.

We can see that a majority of students played interactive games, which rank the first at 30%. Fiction e-books line in the second at 20%, and are at 10% less than interactive games. Online magazines rank the third at 18% while non-fiction e-books account for 15%. Online dictionaries are the fifth library resource at 11%. Only a minority of students, or 6%, used science journals, which is the least popular of all resources, and used fivefold less than the most preferred resource, interactive games.

To conclude, the dominant form of online resources used by the students at Intel Secondary School Library is interactive games. Of all the other resources - fiction e-

books, online magazines, non-fiction e-books, online dictionaries and science journals  
- students used science journals the least.

Bên cạnh đó, các em có thể tham khảo thêm hệ thống bài giải các unit khác trong chương trình tiếng anh lớp 12 được biên soạn đầy đủ tại chuyên trang của chúng tôi.